



qiào gùn

撬棍

noun · crowbar

Example Sentences

tā yòng qiào gùn dǎ kāi le mù xiāng

他用撬棍打开了木箱。

He used a crowbar to open the wooden box.

gōng rén men yòng qiào gùn qiào qǐ chén zhòng de shí bǎn

工人们用撬棍撬起沉重的石板。

The workers used crowbars to pry up the heavy stone slab.

Trace each character, then write the word on your own.

撬	撬	撬	撬	撬	撬	撬	撬	撬	撬	撬
撬	撬	撬	撬	撬	撬	撬				

棍	棍	棍	棍	棍	棍	棍	棍	棍	棍	棍
棍	棍	棍	棍							

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--